

Họ và tên:..... Lớp 4 ...

---

**A. Kiểm tra đọc: (10 điểm)**

**1. Kiểm tra đọc thành tiếng (3 điểm)**

**2. Kiểm tra đọc hiểu (7 điểm)**

**Đọc bài sau và trả lời câu hỏi:**

**CHIẾC ĐIỀU SÁO**

Chiến lớn lên, khỏe mạnh, chăm học, chăm làm. Tuy vậy, nó ham mê chơi điều và chơi khéo nhất làng. Còn bà, sau một ngày làm việc mệt nhọc, bà bắc chõng ra sân hóng mát, lòng thanh thản. Bà lắng nghe tiếng sáo ngân nga, nhận ra tiếng sáo của Chiến ngọt ngào và vi vút nhất.

Năm 1965, Chiến nhập ngũ. Suốt mười năm bà sống khắc khoải trong nỗi thương nhớ và chờ đợi. Ngày Chiến về, bà đã bị lẩn nên không nhận ra anh. Chiến ôm chầm lấy bà, nhưng bà giãy nảy đẩy anh ra. Chiến ngỡ ngàng, sụp xuống quỳ lạy bà, nước mắt ròng ròng.

Mùa thả điều lại đến. Một buổi chiều, khi bà đang ngồi ở chõng thì Chiến về, mang theo một đoạn tre và nói:

- Con vót cái điều chơi bà ạ.

Bà nhìn đoạn tre, nhìn Chiến một lúc lâu. Bà lần đến, rờ lên đầu, lên vai anh và hỏi:

- Chiến đây thật ư con?

Chiến vớt chiếc nan điều vót dở, ôm chầm lấy bà, thương xót bà đến thất ruột, bà lập cập kéo Chiến xuống bếp, chỉ lên gác bếp:

- Điều của con đây cơ mà.

Tối hôm ấy, khi Chiến mang điều đi, bà lại lần ra chõng nằm. Trong nhiều tiếng sáo ngân nga, bà nhận ra tiếng chiếc điều sáo của Chiến. Đêm thơm nức mùi hoa. Trời sao thăm thẳm, bình yên.

(Theo Thăng Sắc)

**Câu 1: (0,5đ-M1) Thuở nhỏ, Chiến là một cậu bé như thế nào?**

**A. Khỏe mạnh, chăm học, chăm làm, biết vâng lời bà.**

- B. Khỏe mạnh, vâng lời bà, biết chơi điều, chơi điều giỏi nhất làng.
- C. Khỏe mạnh, chăm học, chăm làm, ham chơi điều và chơi khéo nhất làng.
- D. Khỏe mạnh, biết vâng lời bà, biết chơi điều và chơi rất giỏi.

**Câu 2: (0,5đ-M1) Mười năm Chiến đi bộ đội và ngày anh trở về thì bà như thế nào?**

- A. Thương nhớ, khắc khoải đợi chờ, bị lẫn, không nhận ra Chiến.
- B. Ngóng trông, chờ đợi, thương nhớ, không nhận ra Chiến.
- C. Thương nhớ, vui mừng khi thấy Chiến trở về.
- D. Thương nhớ, trông mong tin tức, không nhận ra Chiến.

**Câu 3: (0,5đ-M2) Tại sao anh Chiến sụp xuống quỳ lạy, nước mắt rùng rùng?**

- A. Vì bà đã đẩy anh ra.
- B. Vì thương bà già yếu, bị lẫn.
- C. Vì sau mười năm, anh mới gặp lại bà.
- D. Vì anh còn nhỏ chưa thể giúp được bà.

**Câu 4: (0,5đ-M2) Nhờ đâu mà trí nhớ của bà hồi phục và bà nhận ra Chiến?**

- A. Âm thanh ngân nga trong trẻo của những chiếc điều sáo.
- B. Chiếc điều sáo mà bà đã cất cho Chiến ngày anh đi bộ đội.
- C. Mùa thả điều đến, Chiến vót điều để chơi, bà nhận ra hình dáng Chiến khi còn nhỏ chơi điều.
- D. Chiến đã về mang lại cho bà một niềm vui bất ngờ.

**Câu 5: (1đ-M3) Qua câu chuyện trên, em rút ra bài học gì?**

**Câu 6: ( 0,5đ-M1) Dòng nào dưới đây nói nên hoạt động của em ở thư viện.**

- A. Hay, đọc sách, trưng bày, giới thiệu sách.
- B. Thú vị, hấp dẫn, phân loại sách, bổ ích.
- C. Hấp dẫn, phân loại, trả sách, thú vị, đam mê.
- D. Bảo quản sách, trả sách, đọc sách, mượn sách.

**Câu 7: (0,5đ-M2) Dòng nào không phải là danh từ trong mỗi nhóm từ sau:**

- A. Bàn ghế, sông, tivi, nắng, xe đạp, tốt, xấu, khen, ngoan,
- B. Đồ tươi, xanh thắm, vàng óng, trắng muốt, nét na, tím biếc.
- C. Chim, thước kẻ, kẹo, bàn ghế, sông, tivi, nắng, xe đạp
- D. Chim, thước kẻ, bóng, bàn ghế, sông, tivi, nắng, xe đạp

**Câu 8: (0,1đ-M2)**

- a) Dấu gạch ngang trong bài đọc trên có tác dụng gì?

- A. Đánh dấu chỗ bắt đầu lời nói của nhân vật trong đối thoại.
- B. Đánh dấu phần chú thích.
- C. Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.
- D. Đánh dấu câu được dùng với ý nghĩa đặc biệt.

b) Dấu ngoặc kép trong câu sau được dùng với tác dụng gì?

“Góc sân và khoảng trời” là tập thơ chứa cả một bầu trời tuổi thơ mà học sinh luôn muốn được khám phá.

- A. Đánh dấu lời nói trực tiếp của một nhân vật.
- B. Đánh dấu tên của một tác phẩm.
- C. Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.
- D. Đánh dấu từ ngữ dùng với nghĩa đặc biệt.

**Câu 9: (1,0 điểm):** Đặt câu có danh từ riêng chỉ tên địa danh và chỉ ra danh từ chung, danh từ riêng trong câu đó.

**Câu 10: (1,0 điểm).** Em hãy tìm ra những sự vật được nhân hóa trong câu sau và chỉ ra chúng được nhân hóa bằng cách nào:

“ Từ đó, lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc không ai tị ai cả”.

**B. Viết bài: ( 10 điểm)**

Viết đoạn văn ngắn ( 5 – 7 câu ) nêu cảm nghĩ của em về một nhân vật trong truyện đã đọc( hoặc về một người thân trong gia đình em.)

## ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 4

### I. Đọc thành tiếng (3 điểm)

### II. Đọc hiểu văn bản và kiến thức tiếng Việt (7 điểm)

Câu số	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 6	Câu 7	Câu 8
Đáp án	C	A	B	C	D	B	a) - A b) - B
Số điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	1

**Câu 5: ( 1 điểm )** Chúng ta cần phải hiểu thảo và làm vui lòng ông bà, cha mẹ.

**Câu 9: (1,0 điểm):** Đặt câu có danh từ riêng chỉ tên địa danh và chỉ ra danh từ chung, danh từ riêng trong câu đó.

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Câu 10: (1,0 điểm).** Em hãy tìm ra những sự vật được nhân hóa trong câu sau và chỉ ra chúng được nhân hóa bằng cách nào:

“ Từ đó, lão Miệng, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay lại thân mật sống với nhau, mỗi người một việc không ai tị ai cả”.

.....  
.....  
.....

### 2. Tập làm văn: (10 điểm)

Đoạn văn có bố cục rõ ràng:

a) Câu mở đoạn: 1 điểm

Giới thiệu nhân vật, truyện ( hoặc người thân) có đặc điểm cảm xúc với mình.

b) Các câu giữa đoạn: 7.5 điểm. Trong đó:

- Nội dung: 5 điểm

Gồm các câu văn làm rõ đặc điểm của nhân vật, thể hiện thiện cảm với mình

- Dùng từ, đặt câu: Câu văn mạch lạc, đúng ngữ pháp. (1 điểm)

- Câu văn giàu hình ảnh, sử dụng các biện pháp so sánh, nhân hóa phù hợp, thể hiện được cảm xúc của mình khi miêu tả. (1 điểm)

- Các chi tiết miêu tả được sắp xếp theo trình tự hợp lí. (0,5 điểm).

c) Câu kết đoạn : Nhấn mạnh, làm rõ đặc điểm của nhân vật đã nói trong câu mở đoạn(1 điểm)

d) Chữ viết: Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp, mắc dưới 5 lỗi chính tả. (0,5 điểm)

